

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC - TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
(Dành cho bậc Đại học)

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH KINH TẾ

Số tín chỉ: 3

Bộ môn: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Khoa: NGOẠI NGỮ

Hưng Yên, tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTCQTKD ngày/2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)*

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tiếng Anh Kinh tế
- Tên tiếng Anh: English for Economics
- Mã học phần: 007060
- Số tín chỉ: 3 , Số tín chỉ lý thuyết: 3, Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết:
- Môn học song hành:

2. Đối tượng áp dụng:

- Môn học bắt buộc cho ngành: tất cả sinh viên thuộc các ngành trong toàn trường.
- Môn học tự chọn cho ngành:
- Trình độ: Đại học.
- Hệ đào tạo: Chính quy.

3. Nội dung tóm tắt của học phần:

Học phần gồm 9 bài học. Mỗi bài tập trung vào nâng cao các kiến thức và kỹ năng chính là Ngữ Pháp (Grammar), Từ Vựng (Vocabulary), và Kỹ Năng (Skills) hướng tới việc tiếp tục giúp sinh viên đạt trình độ Trung Cấp (Intermediate). Có 3 bài kiểm tra thường xuyên trong quá trình học. Nội dung của các bài học cung cấp chủ yếu về từ vựng và những hiểu biết ban đầu về kinh tế thông qua các bài đọc mang tính học thuật về kinh tế bên cạnh đó môn học phát triển kiến thức và kỹ năng trong cả quá trình học tiếng Anh của sinh viên. Các bài được sắp xếp một cách khoa học và hợp lý. Cung cấp các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và bài tập luyện tập Từ vựng, Ngữ pháp và dịch trong mỗi đơn vị bài học. Các chủ đề ngữ pháp, từ vựng cung cấp vốn kiến thức cần thiết để học viên có cơ hội áp dụng vào việc phát triển cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và làm nền tảng cho công việc trong tương lai của người học trong lĩnh vực kế toán, tài chính, ...

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

Giúp sinh viên tiếp tục được trang bị kiến thức tiếng Anh về ngữ pháp, từ vựng ở trình độ Trung Cấp (Intermediate). Đây là trình độ dành cho học viên đã có kiến thức cơ bản về tiếng Anh và vốn từ vựng ổn định để có thể tiếp tục học các thuật ngữ kinh tế.

4.2. Kỹ năng:

- Giúp sinh viên tiếp tục luyện tập, nâng cao 4 kỹ năng tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết, tập trung chủ yếu về kỹ năng đọc và phân tích văn bản tiếng Anh Kinh tế, biết cách dịch các văn bản kinh tế đơn giản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại
- Hỗ trợ một phần rèn luyện kỹ năng làm bài theo định hướng chuẩn đầu ra tiếng Anh.

4.3. Thái độ:

- Giúp sinh viên có ý thức về việc không ngừng nâng cao trình độ tiếng Anh;
- Hướng sinh viên có ý thức và tâm lý chuẩn bị tốt hơn cho công việc trong tương lai và các kỳ thi tiếng Anh trong trường.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

STT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	CDR của CTĐT
Về kiến thức			
1	CDR1	Ngữ pháp: Sinh viên hiểu được cách sử dụng được những từ vựng liên quan tới các chủ đề về kinh tế.	-HTTTQL: (19); - KTKT: (20); - KDQT: (18); - KT: (16); -QTKD: (16); - TCNH: (18).
2	CDR2	Từ vựng: Có vốn từ cơ bản liên quan tới các chủ điểm liên quan về tài chính, kinh tế học, kinh doanh quốc tế,..	
3	CDR3	Dịch văn bản ngắn, đơn giản: Sinh viên được cung cấp những kiến thức ban đầu về việc thực hành dịch các đoạn văn bản ngắn và các đoạn văn ngắn từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	
Về kỹ năng			
4	CDR4	Sinh viên phát triển kỹ năng đọc; tăng cường kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm.	- HTTTQL: (19); - Kế Toán: (20)

		Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cấu trúc ngữ pháp liên quan đến nội dung bài đọc và các bài tập ứng dụng.	- Kiểm Toán: (20); - KDQT: (18); - Kinh Tế: (16); - QTKD: (16); - TCNH: (18).
5	CDR5	Kỹ năng dịch văn bản: Sinh viên có khả năng sử dụng những kiến thức được trang bị vào các hoạt động thực tiễn công việc, giao tiếp hàng ngày cũng như các bài kiểm tra hết học phần.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ)			
6	CDR6	Sinh viên hình thành được năng lực tự học và tự nghiên cứu.	- HTTTQ L:(17), (18), (22); - Kế toán KT: (18), (19), (23); - Kiểm Toán: (18), (19), (22); - KDQT:(16), (17), (21); - Kinh Tế: (14),(15), (19); - QTKD: (14),(15), (19); - TCNH: (16),(17), (21).
7	CDR7	Sinh viên hình thành thói quen học tập nâng cao trình độ tiếng Anh của mình cũng như không	

	ngừng học hỏi trong công việc.	
--	--------------------------------	--

6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

6.1. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, phát vấn, đối thoại, thảo luận nhóm.

6.2. Phương tiện giảng dạy:

Máy chiếu, máy tính, phần, bảng, internet. . .

7. Thang điểm đánh giá:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp và nội dung đánh giá

(Theo Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh).

Loại hình		Nội dung đánh giá	Mô tả cách thực hiện	CDR	Trọng số
Điểm chuyên cần		Nhận thức, thái độ tham gia lớp học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đi học đầy đủ: Từ 9 đến 10 điểm - Sinh viên vắng từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm - Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo khung ở trên	CDR 6, CDR 7,	10%
Đánh giá quá trình	(1)	Kiến thức		CDR 1, CDR 2, CDR 3	20%
	(2)	Kỹ năng		CDR 4, CDR 5,	
	(3)	Thái độ		CDR 6, CDR 7	

Điểm thi cuối kỳ				CDR 1, 2,3,4,5, 6,7	70%
				Tổng:	100%

9. Tài liệu học tập và tham khảo:

9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: *Giáo trình Tiếng Anh Kinh tế – English for Economics*

9.2. Tài liệu tham khảo:

- *Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành (English for Finance and Banking)- Cao đẳng Tài Chính- Quản trị kinh doanh;*
- *Work book (English for Finance and Banking)- Cao đẳng Tài Chính- Quản trị kinh doanh;*
- *Giáo trình English for Finance, Nhà xuất bản Tài chính.*

10. Thông tin giảng viên giảng dạy:

10.1. Giảng viên 1:

- Họ tên: Nguyễn Hạnh Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng khoa, NGUT, Th.S.
- Số điện thoại: 0981588886 Email: hanhvanc@yahoo.com

10.2. Giảng viên 2:

- Họ tên: Quán Thị Hoàng Anh
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Trưởng khoa, Th.S
- Số điện thoại: 0913399466 Email: quanthihoanganh32@gmail.com

10.3. Giảng viên 3:

- Họ tên: Đào Thị Hồng Lam
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Trưởng khoa, Th.S
- Số điện thoại: 0975811838 Email: lamhong0206@yahoo.com

10.4. Giảng viên 4:

- Họ tên: Hoàng Văn Thắng
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Trưởng Bộ môn, Th.S
- Số điện thoại: 0974525555 Email: hoangthang1611@gmail.com

10.5. Giảng viên 5:

- Họ tên: Nguyễn Thị Vân
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Trưởng Bộ môn, Th.S
- Số điện thoại: 0988615135 Email: vanianguyen101@gmail.com

10.6. Giảng viên 6:

- Họ tên: Trần Thị Thu Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0834319616 Email: trangviet71@yahoo.com

10.7. Giảng viên 7:

- Họ tên: Đặng Thị Hiền
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0986320118 Email: hienanhnn@gmail.com

10.8. Giảng viên 8:

- Họ tên: Lê Thị Mùi Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0989386584 Email: lethimuiha@gmail.com

10.9. Giảng viên 9:

- Họ tên: Hoàng Thị Hương Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0962650145 Email: h2giang76@gmail.com

10.10. Giảng viên 10:

- Họ tên: Hồ Thị Tam
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0382986939 Email: tamhiep39@gmail.com

10.11. Giảng viên 11:

- Họ tên: Đỗ Thị Thời
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0977893086 Email: dothoinn@gmail.com

10.12. Giảng viên 12:

- Họ tên: Nguyễn Thị Bón
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0942187868 Email: bonnguyen1988@gmail.com

10.13. Giảng viên 13:

- Họ tên: Nguyễn Thị Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0979348600 Email: nguyenthao0503@gmail.com

10.14. Giảng viên 14:

- Họ tên: Đinh Thị Luyện
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0987193828 Email: dinhluyendhtm@gmail.com

10.15. Giảng viên 15:

- Họ tên: Vũ Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0974468458 Email: huyenminh1702@gmail.com

10.16. Giảng viên 16:

- Họ tên: Đỗ Thị Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0976140897 Email: nhungblue90@gmail.com

10.17. Giảng viên 17:

- Họ tên: Nguyễn Thị Cẩm Nhung
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0976689089 Email: nguyencamnhung.1810@gmail.com

10.18. Giảng viên 18:

- Họ tên: Đặng Thị Phượng
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0984426993 Email: otxinkk@gmail.com

10.19. Giảng viên 19:

- Họ tên: Lê Thị Thanh
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 03789986989 Email: thanhkieu279@gmail.com

10.20. Giảng viên 20:

- Họ tên: Ninh Thị Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Th.S
- Số điện thoại: 0984450850 Email: yene13@gmail.com

11. Nội dung và phân bổ thời gian:

Nội dung	Phân bổ thời gian	Tổng cộng
----------	-------------------	-----------

	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	
Unit 1	4			10	
Unit 2	4			10	
Unit 4	4			10	
Unit 5	5	1 kiểm tra		10	
Unit 6	4			10	
Unit 7	4			10	
Unit 8	4	1 kiểm tra		10	
Unit 10	5			10	
Unit 12	5	3 ôn tập + 1 kiểm tra		10	
Tổng số	39	6		90	135

12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	4	Unit 1. Economics - Khái niệm và thuật ngữ về Kinh tế học; - Cách sử dụng của Mệnh đề quan hệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành (English for Economics) – Đại học Tài Chính- Quản trị kinh doanh; - Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành (English for Finance and Banking)- Cao đẳng Tài Chính- Quản trị kinh doanh; - Work book (English for 	CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR5, CĐR6, CĐR7
Tự học, tự nghiên cứu	8			
Lý thuyết/	4	Unit 2. Supply and demand - Khái niệm và thuật ngữ về		

Thực hành		Cung và Cầu; - Cách sử dụng của Câu điều kiện loại 1.	Finance and Banking)- Cao đẳng Tài Chính- Quản trị kinh doanh; - Grammar & Vocabulary, Malcolm Mann & Steve Taylor-Knowles, Nhà xuất bản MacMillan, 2007; - Giáo trình English for Finance, Nhà xuất bản Tài chính.
Tự học, tự nghiên cứu	8		
Lý thuyết/ Thực hành	4	Unit 4. Meaning and measurement of inflation - Khái niệm và thuật ngữ về Lạm phát; - Cách sử dụng của Mệnh đề quan hệ dùng với giới từ.	
Tự học, tự nghiên cứu	8		
Lý thuyết/ Thực hành	5	Unit 5. Finance and corporate finance - Khái niệm và thuật ngữ về Tài chính và Tài chính doanh nghiệp; - Cách sử dụng của Câu bị động.	
Tự học, tự nghiên cứu	10		
Lý thuyết/	4	Unit 6. The letter of credit - Khái niệm và thuật ngữ về	

Thực hành		<p>Thư tín dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng của Mệnh đề quan hệ rút gọn. 		
Tự học, tự nghiên cứu	8			
Lý thuyết/ Thực hành	4	<p>Unit 7. Functions of the stock exchange</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và thuật ngữ về Thị trường chứng khoán; - Cách sử dụng của Mệnh đề trạng ngữ chỉ mục đích. 		
Tự học, tự nghiên cứu	8			
Lý thuyết/ Thực hành	4	<p>Unit 8. Accounting</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và thuật ngữ về Kế toán; - Cách sử dụng của Phân từ dùng làm tính từ. 		
Tự học, tự nghiên cứu	8			
Lý thuyết/ Thực hành	5	<p>Unit 10. Marketing</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và thuật ngữ về Marketing; - Cách sử dụng của Câu điều 		

		kiện loại 0.		
Tự học, tự nghiên cứu	10			
Lý thuyết/ Thực hành	5	<p>Unit 12. International trade</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và thuật ngữ về Kinh doanh quốc tế; - Cách sử dụng của Danh động từ. 		
Tự học, tự nghiên cứu	10			

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Hạnh Vân

Quản Thị Hoàng Anh

Hoàng Văn Thắng